

THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài	1a	Mã số (được cấp khi Hồ sơ được phê duyệt)
2	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng /20... đến tháng /20...)	3	Cấp quản lý Cấp trường ☒
4	Tổng kinh phí thực hiện: đồng, trong đó:		
Nguồn		Kinh phí (đồng)	
- Từ nguồn kinh phí ĐHYD		0	
- Từ nguồn khác (BV ĐHYD)			
5	Đề nghị phương thức khoán chi:		
		Khoán từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán: đồng	
		- Kinh phí không khoán: đồng	
6	Lĩnh vực khoa học		
7	Chủ nhiệm đề tài		
Họ và tên:			
Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ ☐			
Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:			
Chức danh khoa học: Chức vụ:			
Điện thoại: Tổ chức: (028) 38554269 Mobile:			
Fax: (028) 39506126 E-mail:			
Tên tổ chức đang công tác: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh			



Địa chỉ tổ chức: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Đồng chủ nhiệm đề tài (chỉ áp dụng cho đề tài tự túc kinh phí):

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam ☐ / Nữ ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Chức danh khoa học: Chức vụ:

Điện thoại: Tổ chức: Mobile:

Fax: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

8 | Thư ký khoa học của đề tài

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:

Chức danh khoa học: Chức vụ:

Điện thoại: Tổ chức: Mobile:

Fax: E-mail:

Tên tổ chức đang công tác:

Địa chỉ tổ chức:

9 | Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38554269 Fax: (028) 39506126

Website: bvdaihoc.com.vn

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Nguyễn Hoàng Bắc

10 | Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

Tổ chức:

Tên cơ quan chủ quản

Điện thoại: Fax:

Địa chỉ:

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:

Số tài khoản:

Ngân hàng:

11	Cán bộ thực hiện đề tài <i>(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
T T	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài ¹¹	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho nhiệm vụ (Số tháng quy đổi ²)
1					
2					
3					
4					
5					
...					
.					

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

12	Mục tiêu của đề tài <i>(Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
13	Tình trạng đề tài ☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả ☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác
14	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài

¹¹ Theo quy định Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08/5/2023

² Một tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc 8 tiếng

14.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài

Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)

.....

.....

Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

.....

.....

14.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)

.....

.....

15

Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

.....

16

Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện

(Liệt kê và mô tả chi tiết những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)

Nội dung 1 :

Công việc 1:

Công việc 2:

Công việc n:

Nội dung 2:

Công việc 1:

Công việc 2:

Công việc n:

Nội dung n :

Công việc 1:

Công việc 2:

Công việc n:

17 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính sáng tạo của đề tài)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

▪ *Thiết kế nghiên cứu:*

.....

▪ *Đối tượng nghiên cứu và tiêu chí chọn mẫu:*

.....

▪ *Cỡ mẫu:*

.....

▪ *Kỹ thuật chọn mẫu:*

.....

▪ *Định nghĩa các biến số chính:*

.....

▪ *Kiểm soát sai lệch chọn lựa và thông tin:*

-
- Phương pháp thu thập và phân tích dữ kiện:
-

Tính mới, tính sáng tạo:

.....

18 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).

19 Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

20 Phương án thuê chuyên gia (nếu có)

1. Thuê chuyên gia trong nước

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1					
2					
....					

2. Thuê chuyên gia nước ngoài

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Lĩnh vực chuyên môn	Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)
1						
2						
....						

21 Tiến độ thực hiện

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức chủ trì*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
					
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
					
...	Nội dung n				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
					

* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 20

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22	Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)					
Dạng I: Mẫu (<i>model, maket</i>); Sản phẩm (<i>là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường</i>); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
STT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)						
.....						
.....						
Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự						

báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	... bài báo	Bài báo đáp ứng được yêu cầu khoa học và được chấp thuận đăng trên tạp chí chuyên ngành uy tín	Tạp chí nằm trong ...	

22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có
(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....
.....

22.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

STT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thạc sỹ			
2	Tiến sỹ			

22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

.....
.....

23 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

23.1 Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)

.....

23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)

.....

23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm

.....

23.4 Mô tả phương thức chuyển giao (Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)

.....

24

Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài

.....

.....

25 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....

.....

25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

.....

25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

.....

26

Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài (theo quy định tại thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)

26.1. Phương án trang bị tài sản (xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài (*nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d*)

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thời gian thuê
1			
2			

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

STT	Danh mục tài sản	Tính năng, thông số kỹ thuật
1		
2		

26.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài (*hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng*)

.....

.....

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ*(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)***1. Cơ cấu phân bổ kinh phí***Đơn vị tính: Đồng*

ST T	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí		Nguồn vốn		
		Khoản chi	Ngoài khoản	ĐHYD TPHCM	Tự có	BV ĐHYD
1	Thù lao thực hiện đề tài			0		
2	Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng, năng lượng			0		
3	Công tác trong nước			0		
4	Điều tra khảo sát			0		
5	Văn phòng phẩm, in ấn			0		
6	Chi hội thảo khoa học			0		
7	Chi Hội đồng tư vấn, đánh giá kết quả	4.200.000		0		4.200.000
8	Dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu			0		
9	Sửa chữa, mua sắm tài sản cố định			0		
10	Chi khác			0		
11	Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN			0		
	Tổng cộng			0		

2. Kế hoạch phân bổ kinh phí*Đơn vị tính: Đồng*

Phân bổ kinh phí	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3*
Nguồn ĐHYD TPHCM	0	0	0
Nguồn vốn khác (BV ĐHYD)			
Tổng cộng			

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm***CƠ QUAN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ****CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ****(Họ và tên)****CƠ QUAN QUẢN LÝ**

* Áp dụng cho nhiệm vụ (đề tài) có thời gian thực hiện > 12 tháng

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

I. Tổng thù lao thực hiện đề tài

BẢNG TỔNG HỢP THÙ LAO THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

St t	Họ và tên	Chức danh trong nghiên cứu	Tổng số tháng quy đổi	Định mức thù lao tháng (DMcn)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thù lao thực hiện nội dung nghiên cứu của thành viên tham gia đề tài				
1. 1	...	Thành viên chính	...		...
1. 2	...	Thành viên	...		...
1. 3	...	Kỹ thuật viên/Nhân viên hỗ trợ ⁽⁷⁾	...		...
2	Thù lao chủ nhiệm đề tài và thư ký khoa học				
2. 1	...	Chủ nhiệm đề tài	...		...
2. 2	...	Thư ký khoa học	...		
TỔNG			-	-	

(2) Học hàm, học vị, họ tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài. Số lượng thành viên tham gia đề tài (bao gồm chủ nhiệm đề tài và các thành viên) tối đa 10 người áp dụng.

(3) Ghi rõ chức danh khoa học của từng thành viên tham gia nghiên cứu đề tài.

(4) Tổng số tháng quy đổi: cộng số tháng quy đổi của mỗi thành viên tại mỗi **nội dung công việc** được dự toán tại bảng “Thù lao thực hiện đề tài” tại phần II. Bảng giải trình chi tiết các khoản chi của Thuyết minh đề tài này.

(5) Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm đề tài quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 tối đa là 40 triệu đồng/tháng; ở đây quy định tối đa cho đề tài cấp quốc gia, vì vậy khi áp dụng cho đề tài cấp cơ sở thì chủ nhiệm đề tài có thể định mức thấp hơn cho phù hợp với mức kinh phí từ Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM.

(6) Tổng thù lao thực hiện đề tài của từng thành viên tham gia nghiên cứu: cộng các khoản thù lao chi tiết của mỗi thành viên tại mỗi nội dung đã được dự toán tại bảng “Thù lao thực hiện đề tài” tại phần II. Bảng giải trình chi tiết các khoản chi của Thuyết minh đề tài này.

(7) Tiền công của kỹ thuật viên, NV hỗ trợ KHÔNG QUÁ 20% tổng dự toán tiền công của CNĐT, thư ký KH, thành viên nghiên cứu.

II. Bảng giải trình chi tiết các khoản chi

1. Thù lao thực hiện đề tài

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học (Hcd)	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm đề tài (DMcn)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh (Tqd(1-n))	Thành tiền $7=3x5x6$	Nguồn kinh phí	
							BV ĐHYD TPHCM	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9
		DMcn: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm đề tài. Mức tối đa thù lao tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ cấp quốc gia là 40 triệu đồng/tháng. Đề tài cấp cơ sở, kinh phí hỗ trợ thấp hơn, nên chủ nhiệm đề tài lựa chọn định mức này cho phù hợp (ví dụ 2 triệu đồng - 5 triệu đồng/tháng hoặc cao hơn tùy quy mô nội dung công việc và quy mô kinh phí thực hiện) Tqd(1-n): tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh Trường hợp thời gian thực hiện chưa đủ 01 tháng quy đổi thì Tqd = số ngày tham gia thực hiện đề tài/22 ngày Số ngày tham gia thực hiện đề tài là ngày 8h chỉ dành để thực hiện đề tài						
1	Xây dựng thuyết minh đề tài	Nội dung công việc này tính chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng						
2	Nội dung nghiên cứu							
2.1	Nội dung 1: <i>(do 01 thành viên chính chủ trì thực hiện)</i> <i>Liệt kê họ và tên các thành viên thực hiện công việc này (phù hợp với nội dung mục số 21 của Thuyết minh)</i>	<Ghi cụ thể tên kết quả/sản phẩm thu được từ nội dung nghiên cứu>						
2.1.1	Công việc 1:					 (tổng thù lao thực hiện công việc 1)		
	- Nguyễn Văn A (Thành viên chính)	0,8	1		Tqd1			
	- Lê Thị B (Thành viên)	0,4	1		Tqd2			
	- Hồ T.T... (Kỹ thuật viên)	0,2	2		Tqd3			

STT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học (Hcd)	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm đề tài (DMcn)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh (Tqd(1-n))	Thành tiền	Nguồn kinh phí	
							BV ĐHYD TPHCM	Khác
								
2. 2	Nội dung 2:.....	Ghi cụ thể tên kết quả/sản phẩm thu được từ nội dung nghiên cứu						
	(do 01 thành viên chính chủ trì thực hiện) Liệt kê họ và tên các thành viên thực hiện công việc này (phù hợp với nội dung mục số 21 của Thuyết minh) Cách lập tự toán tương tự nội dung 1							
...								
n	Nội dung n:	Ghi cụ thể tên kết quả/sản phẩm thu được từ nội dung nghiên cứu						
3	Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ: ($TL_{CN}=1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	1	1		Tqd (=20% x T)			
4	Thù lao của thư ký khoa học: ($TL_{TK}=0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	0,3	1		Tqd (=20% x T)			
III	Xây dựng báo cáo tổng kết	Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.						
CỘNG						...	...	...

2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng, năng lượng

T T	Tên Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng, năng lượng, ... và quy cách kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Liệt kê chi tiết danh mục hóa chất hoặc nhiên liệu, vật tư y tế, ... phục vụ cho đề tài				
					

CỘNG					-
Trong đó, kinh phí khoán chi:					-

3. Công tác trong nước

Đơn vị tính: đồng

T T	Khoản chi phí	Diễn giải			Thành tiền
		Số người	Lần ¹	Chi phí/lần ²	
A	Lần 1 (đi <công tác/hội nghị> tại <tên địa điểm>)				
1	Tàu xe, đi lại				
2	Thuê chỗ ở				
3	Phụ cấp lưu trú				
4	Chi phí khác				
B	Lần 2 (đi <công tác/hội nghị> tại <tên địa điểm>)				
1	Tàu xe, đi lại				
2	Thuê chỗ ở				
3	Phụ cấp lưu trú				
4	Chi phí khác				
C	Lần (đi <công tác/hội nghị> tại <tên địa điểm>)				
1	Tàu xe, đi lại				
2	Thuê chỗ ở				
3	Phụ cấp lưu trú				
4	Chi phí khác				
CỘNG:					
Trong đó, kinh phí khoán chi:					

(1) Số lần có thể là số đêm, số ngày đi công tác

(2) Chi phí/lần: chi phí cho 1 vé tàu xe, đi lại, 1 đêm thuê chỗ ở hoặc 1 ngày lưu trú

4. Chi điều tra, khảo sát (tham khảo Thông tư 109 /2016/TT-BTC ngày 30/6/2016)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công/số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xây dựng đề cương (phương án điều tra được duyệt)	Phương án			
2	Lập mẫu phiếu điều tra	Mẫu			
3	Điều tra thử hoàn thiện phương tiện điều tra				
4	Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, thẩm định phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra	Buổi			
	Chủ trì	người			

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công/số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thư ký hội thảo	người			
	Đại biểu được mời dự	người			
	Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng:	báo cáo			
	Nước uống	người/buổi			
5	Chi tập huấn cho điều tra viên	Buổi			
6	Thuê điều tra viên (Những người không phải là thành viên trong nhóm nghiên cứu)	công			
7	Thuê người dẫn đường	công			
8	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra	phiếu			
9	Chi xử lý (xây dựng phần mềm, nhập liệu, phân tích) kết quả điều tra. (Tham khảo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)				
10	Biên dịch tài liệu Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính.	trang			
CỘNG:					
Trong đó, kinh phí khoán chi:					

5. Văn phòng phẩm, in ấn

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản chi phí	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
...					
CỘNG:					
Trong đó khoán chi: (chỉ áp dụng tổng chi hạng mục này < 2 triệu đồng)					

6. Hội thảo khoa học (có tên chủ đề của Hội thảo)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản chi phí	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chủ trì	người			
2	Thư ký hội thảo	người			
3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo	báo cáo			
4	Đại biểu tham dự	người			
5	Tài liệu hội thảo	bộ			
CỘNG:					
Trong đó khoán chi:					

7. Chi các Hội đồng tư vấn

Đơn vị tính: đồng

STT	Hội đồng tư vấn	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Hội đồng nghiệm thu				
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	1.000.000	1.000.000

	Ủy viên Hội đồng	Người	4	800.000	3.200.000
CỘNG:					4.200.000
Trong đó khoán chi:					4.200.000

8. Dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu*Đơn vị tính: đồng*

STT	Khoản chi phí	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
...					
CỘNG:					
Trong đó khoán chi:					

9. Sửa chữa, mua sắm tài sản cố định*Đơn vị tính: đồng*

STT	Khoản chi phí	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					-
2					-
...					
CỘNG:					-
Trong đó khoán chi:					

10. Chi khác*Đơn vị tính: đồng*

STT	Khoản chi phí	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					-
2					-
...					
CỘNG:					-
Trong đó khoán chi:					

11. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm***CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**